

Số: 255/BC-BKTNS

Kon Tum, ngày 26 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả thẩm tra nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình tại Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra như sau:

I. Về nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại Kỳ họp

Tại Kỳ họp chuyên đề, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định **06 dự thảo Nghị quyết** thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban Kinh tế - Ngân sách. Trong đó: có 05 Nghị quyết quy phạm pháp luật và 01 Nghị quyết cá biệt.

II. Về kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII.

Qua thẩm tra, trên cơ sở ý kiến đại biểu tham gia dự họp, ý kiến đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, sở ngành liên quan, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình, đồng thời đề xuất một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình làm rõ một số nội dung (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*). Ban Kinh tế - Ngân sách xin trình bày một số nội dung chủ yếu sau:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

(1) Theo báo cáo thẩm định, phương án xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được giữ nguyên yếu tố chi phí trực tiếp và chi phí phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật theo cơ cấu giá quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế⁽¹⁾ (*kể cả các dịch vụ đang được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện*). Chỉ điều chỉnh yếu tố tiền lương từ mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ⁽²⁾. Đề nghị báo cáo làm rõ nội dung sau:

- Làm rõ sự phù hợp trong việc xây dựng phương án giá dịch vụ, vì sao chỉ thay đổi yếu tố tiền lương, trong khi đó giữ nguyên yếu tố chi phí trực tiếp và chi phí phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật theo cơ cấu giá quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Đánh giá tác động của giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh dự kiến ban hành và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến người dân khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum, sự phù hợp với điều kiện thực tế, cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của người cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh; khó khăn, vướng mắc (nếu có).

(2) Trên cơ sở tên gọi dự thảo nghị quyết và tiêu đề Điều 1 dự thảo nghị quyết xác định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho 03 trường hợp:

- Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán;

- Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán;

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Tuy nhiên, qua rà soát danh mục khám bệnh, chữa bệnh (*từ Phụ lục I đến Phụ lục XVI kèm theo dự thảo nghị quyết*) không có quy định “Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán”. Đề nghị báo cáo làm rõ.

(3) Theo quy định tại khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023: “6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền

¹ Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp.

² Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

nhưng không được vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.”. Đề nghị báo cáo và khẳng định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành?

Trong thời gian đến, trường hợp Bộ Y tế ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở do Bộ Y tế quản lý thì xử lý vấn đề này như thế nào cho phù hợp. Đề nghị báo cáo thêm.

(4) Đề nghị rà soát và báo cáo làm rõ sự chưa thống nhất, đồng bộ giữa số liệu danh mục kỹ thuật trong phương án giá của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, báo cáo thẩm định và dự thảo nghị quyết. Cụ thể:

- **Tại Phụ lục X. Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei.**⁽³⁾

- **Tại Phụ lục XII. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy.**⁽⁴⁾

(5) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị liên quan rà soát, sắp xếp, điều chỉnh danh mục giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo nghị quyết đảm bảo chính xác, khoa học, thuận tiện cho các cơ sở y tế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

³ - **Tại Mục IV. Giá các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ áp dụng tại Trung tâm y tế huyện Đăk Glei:** có 19 dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê (nhiều hơn 02 danh mục dịch vụ kỹ thuật đề xuất ban đầu của Trung tâm y tế huyện là 17 dịch vụ); tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định của Sở Y tế không có ý kiến điều chỉnh nội dung của Trung tâm y tế Đăk Glei (thẩm định của Sở Y tế chỉ điều chỉnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Hồi và Trung tâm y tế Đăk Hà). Đề nghị báo cáo làm rõ vì sao có sự chênh lệch cao hơn 02 dịch vụ so với đề xuất của Trung tâm y tế huyện Đăk Glei.

- **Tại Mục V. Giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm của Phòng khám đa khoa Đăk Rơ Ông:**

+ Đề nghị xem xét rà soát biên tập tiêu đề Mục V cho phù hợp.

+ Theo hồ sơ trình, có 744 dịch vụ, trong đó 742 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 02 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định, theo đề xuất ban đầu Phòng khám đa khoa Đăk Môn đăng ký 744 dịch vụ đều thuộc “danh mục Quỹ BHYT thanh toán” và không có “danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu”, bên cạnh đó, trong ý kiến thẩm định cũng không đề xuất điều chỉnh nội dung nêu trên của Phòng khám đa khoa Đăk Môn. Đề nghị báo cáo làm rõ?

⁴ **Tại Phụ lục XII. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy:** theo hồ sơ trình, Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy có 1.650 dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm, trong đó có 1.647 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 03 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định, theo đề xuất ban đầu Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy đề xuất 1.664 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán (khác với số liệu 1.647 tại phụ lục kèm dự thảo nghị quyết), bên cạnh đó trong ý kiến thẩm định cũng không đề xuất điều chỉnh nội dung nêu trên của Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy. Đề nghị báo cáo làm rõ?

(6) Chỉ đạo rà soát, cập nhật các văn bản của Bộ Y tế ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, đảm bảo danh mục, giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định theo quy định tại Khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(7) Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách liên quan đến việc áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại nghị quyết này đảm bảo đồng bộ, không để phát sinh kiến nghị cử tri các vấn đề có liên quan; đồng thời, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

2. Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế nhưng không phải là đối tượng khám chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

- Xem xét bổ sung nội dung quy định chuyển tiếp vào dự thảo nghị quyết đối với các trường hợp người bệnh đang áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND được bãi bỏ.

3. Dự thảo Nghị quyết quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

(1) Tại Điều 1 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: Báo cáo làm rõ đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1. Đề nghị cân nhắc để tránh trùng lặp với các nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên và rà soát, bổ sung vào nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết (nếu có).

(2) Tại khoản 2 Điều 2 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết về “đối tượng áp dụng”: đề nghị xem xét biên tập bỏ cụm từ “doanh nghiệp”.

(3) Đề nghị báo cáo thuyết minh làm rõ từng mức giá trị của 01 đơn vị tài sản nêu trong quy định kèm theo dự thảo nghị quyết (*về mua sắm; thanh lý tài sản cố định; bán, tiêu hủy tài sản cố định*).

(4) Tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: Xem xét rà soát các nội dung, chủ thể và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với quy định, đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp và phù hợp tình hình thực tế của địa phương,

(5) Tại Điều 10 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị tách các nội dung tại Điều 10 cho đồng bộ với quy định văn bản quy phạm pháp luật cấp trên.

(6) Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật quản lý, sử dụng tài sản công (*khoản này được sửa đổi bởi Điểm b Khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025*) quy định “**Bán. Hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất, trừ đất, tài sản gắn liền với đất của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các trường hợp được bán theo quy định của luật khác**”. Với quy định nêu trên, đề nghị rà soát các quy định có liên quan đến hình thức bán đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất, xem xét biên tập cho phù hợp với quy định nêu trên.

(7) Tại Điều 12 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị biên tập tiêu đề và xem xét xác định chủ thể “phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại” cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

(8) Qua rà soát quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, Ban nhận thấy có một số nội dung chưa được quy định tại quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, đề nghị xem xét đề xuất đảm bảo đúng quy định.

- Tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (*được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP*) quy định về “Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và tổ chức thực hiện điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được thực hiện theo quy định tại các Điều 20⁽⁵⁾, 21, 22⁽⁶⁾, 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định này”.

⁵ Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

⁶ Điều 22. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

- Tại Điều 94a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 59 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) quy định về “Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và tổ chức thực hiện điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương II Nghị định này.”⁽⁷⁾”.

(9) Đối với việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Luật quản lý, sử dụng tài sản công (các khoản này được sửa đổi bởi Khoản 7, 8, 9 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025) quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc quyết định hoặc phân cấp quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, hiện nay nội dung này chưa được đề cập trong quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, đề nghị xem xét đề xuất đảm bảo đúng quy định.

(10) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

(11) Chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công chấp hành quy định của Luật quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao.

4. Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 251/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

(1) Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “Phạm vi điều chỉnh”, đề

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

⁷ Mục 5. Chương II: Xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước.

ngiht xem xét biên tập phạm vi điều chỉnh đảm bảo chặt chẽ, bao quát, phù hợp với quy định.

(2) Tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “Phạm vi điều chỉnh”: Đề nghị cân nhắc để tránh trùng lặp nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên.

(3) Tại Điều 3 dự thảo nghị quyết: Xem xét rà soát, điều chỉnh nội dung, chủ thể khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp.

(4) Tại Điều 4 dự thảo nghị quyết: Rà soát, điều chỉnh nội dung, chủ thể quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp và đồng bộ trong phân cấp thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị.

(5) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đảm bảo về nguyên tắc, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(6) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành theo thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ (không phải là tài sản công) có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

- Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: đề nghị biên tập đảm bảo đầy đủ, bao quát, chặt chẽ theo quy định.

- Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: Đề nghị cân nhắc nội dung đảm bảo phù hợp với quy định; tránh trùng lặp nội dung đã

được quy định tại văn bản cấp trên.

- Theo hồ sơ dự thảo nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quy định 02 nội dung: (1) Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (*điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP*); (2) Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (*điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP*). Tuy nhiên, **Điều 3 dự thảo nghị quyết** gộp chung 02 nội dung “*thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập*” và “*thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ (không phải là tài sản công) có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm*”, Ban nhận thấy việc gộp chung 02 nội dung theo dự thảo Nghị quyết là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (*được bổ sung bởi khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024*). Đề nghị xem xét biên tập điều khoản quy định riêng đối với hai nội dung trên cho phù hợp.

- Đề nghị rà soát, bổ sung quy định thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm cấp xã.

6. Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh*)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình tiếp thu, giải trình một số nội dung sau:

(1) Đề nghị báo cáo làm rõ tổng nguồn kinh phí và tình hình phân bổ, sử dụng hàng năm để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh (*theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 (được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP)*).

(2) Xem xét biên tập khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết “Phạm vi điều chỉnh”: “*Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”.

(3) Xem xét biên tập tách “**Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ**” thành 02 Điều.

(4) Xem xét biên tập nội dung “**Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ**” theo hướng rõ nội dung, để việc áp dụng triển khai thực hiện chính sách đảm bảo thuận lợi, không gặp khó khăn, vướng mắc.

(5) Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 dự thảo nghị quyết “Phạm vi, định mức hỗ trợ”⁽⁸⁾: Đề nghị rà soát, đề xuất định mức hỗ trợ theo hướng bám sát quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, không trùng lặp và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

(6) Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo nghị quyết: Đề nghị biên tập lại nội dung “sử dụng kinh phí hỗ trợ” đảm bảo chặt chẽ, bao quát, dễ thực hiện.

(7) Đề nghị sớm phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

III. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách đối với các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình các ý kiến đại biểu tham gia tại cuộc họp thẩm tra

Qua nghiên cứu Báo cáo số 483/BC-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến qua thẩm tra của Ban. Ban cơ bản thống nhất với các nội dung tiếp thu, giải trình, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu tiếp thu, giải trình.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT-NS.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Hồ Văn Đà

⁸ “2. Phạm vi, định mức hỗ trợ

a) Mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;

b) Mức 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;

c) Hỗ trợ thêm mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.”